ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LỚP: ANH

Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2014-2015

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Anh chuyên	Điểm xét tuyển
1	140009	Lý Thành	An	21/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.5	9.5	8	6.7	34.4
2	140052	Bùi Vân	Anh	02/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6.25	9.1	5.75	7.3	35.7
3	140132	NGUYỄN HÀ TÚ	ANH	20/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.5	9.4	4.5	7.1	33.6
4	140169	Nguyễn Thùy	Anh	06/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6.5	9.3	5.75	6.3	34.15
5	140381	Nguyễn Quỳnh	Chi	09/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.75	9	4.5	6.9	32.05
6	140399	Lê Hoài	Chung	01/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6.5	8.6	6.5	5.1	31.8
7	140463	Nguyễn Tạ Hoàng	Dung	07/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6.5	9.4	5	5.8	32.5
8	140491	Phạm Tiến	Dũng	24/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	8.9	7.25	6.5	34.15
9	140559	Bùi Mỹ	Duyên	21/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.5	8.6	6.75	6	31.85
10	140703	Phạm Minh	Đức	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9.3	8	6.2	35.2
11	140726	Đỗ Châu	Giang	23/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.75	8.8	6.75	6.5	34.3
12	140833	Cao Thu	Hằng	09/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6.25	9.3	5.5	7.4	35.85
13	140871	BÙI THU	HIỀN	07/11/1999	Hà Nội	Nữ	5.25	9.3	5.25	6.3	32.4
14	140934	Phạm Hạnh	Hiếu	09/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.25	7.9	6.75	5.9	31.7
15	141107	Nguyễn Võ Đức	Huy	08/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.1	7.5	6.1	31.8
16	141181	HUỲNH THỤC	HƯƠNG	06/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.75	8.9	5.75	5.8	32
17	141188	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	19/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6	8.4	7	5.7	32.8
18	141276	Vũ Quỳnh Thu	Khanh	14/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	6.5	9.3	5	6.9	34.6
19	141316	Vương Thiện	Khiêm	27/11/1999	An Giang	Nam	6.25	7.3	6.25	6	31.8
20	141328	Đoàn Anh	Khoa	11/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	9.3	5.25	7.3	33.9
21	141379	Lê Nguyễn Nguyên	Khôi	30/10/1999	Đà Nẵng	Nam	6.25	9.8	6.75	7	36.8
22	141587	Nguyễn Hoàng	Long	23/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	8.3	6.25	6.3	32.15
23	141701	KHƯU THỊ HỒNG	MINH	07/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	8.9	4.25	5.9	31.95
24	141771	Lê Hoàng Thảo	My	11/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	8.8	5.75	5.2	31.95
25	141793	Đậu Hải	Nam	03/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.25	8.8	7.25	6.2	31.7
26	141814	Nguyễn Thành	Nam	25/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6.5	8.5	5.5	7.5	35.5
27	141874	Quách Gia	Nghi	30/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.75	8.4	8	6.3	33.75
28	142019	Võ Ngọc Sĩ	Nguyên	17/06/1999	Bình Định	Nam	6	8	8	5.3	32.6
29	142077	Phạm Hoàng	Nhật	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	9.4	9.5	7.4	38.95
30	142184	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	08/03/1999	Đồng Nai	Nữ	6.5	9	7.25	4.9	32.55
31	142208	Lê Hà Thu	Oanh	23/11/1999	BR-Vũng Tàu	Nữ	6.5	9.3	2.5	7	32.3
32	142248	Nguyễn Cao	Phong	13/05/1999	Vĩnh Long	Nam	3.75	9.4	7.75	5.5	31.9
33	142462	Tăng Minh	Quân	20/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6	9	5.75	6.1	32.95
34	142479	Công Hiển	Quốc	07/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9	6.5	6	33
35	142616	Tưởng Thị Thanh	Tâm	07/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.5	8.6	6.75	5.8	32.45
36	142621	Võ Ngọc Thanh	Tâm	13/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5	9	5.5	6.3	32.1
37	142647	Khổng Minh	Thái	04/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	9.1	7.75	6.7	35
38	142711	Lê Thị Minh	Thảo	05/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5	8.9	4.25	7	32.15
39	142896	Đặng Ngọc Anh	Thư	10/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	7.9	3.5	6.7	31.8
40	142904	Lê Anh	Thư	20/11/1999	Đồng Nai	Nữ	5.75	7	8.25	5.3	31.6
41	142928	Nguyễn Minh	Thư	02/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.25	9.1	5.75	6	32.1
42	142966	NGUYỄN HOÀNG LAN	THY	15/07/1999	Tiền Giang	Nữ	4.25	9.1	5.25	6.9	32.4

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Anh chuyên	Điểm xét tuyển
43	143029	Lê Quang	Trà	01/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	9.5	6	6.6	33.2
44	143105	Lư Bảo	Trân	07/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	8.25	9.1	6.5	6.3	36.45
45	143130	HỒ MINH	TRÍ	31/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9.5	7	6.9	35.8
46	143202	Nguyễn Ngọc Minh	Trúc	03/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.75	8.9	5.75	6.4	32.2
47	143297	Nguyễn Thanh	Tùng	15/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.75	9.1	6.25	6	33.1
48	143359	Nguyễn Thu	Uyên	07/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7.25	8.6	5.25	5.5	32.1
49	143394	Phạm Nguyễn Tường	Vân	09/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.75	8.5	6.25	7.3	34.1
50	143418	Nguyễn Phương Uy	Việt	08/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	9.1	6.25	6.3	33.2
51	143448	Lương Văn Trường	Vũ	20/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.5	9.4	5.5	7.7	33.8
52	143488	NGUYỄN KHÁNH	VY	19/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.75	9.3	4.25	7.2	33.7

Danh sách có 52 học sinh

Tp.HCM, ngày 23 tháng 6 năm 2014
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. TRẦN LINH THƯỚC